

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2022/DS-PT
Ngày 16-12-2022
V/v Tranh chấp về thừa kế
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Bích Diệp.

Ông Nguyễn Văn Tài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 274/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2022/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 243/2022/QĐPT-DS, ngày 07 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 253/2022/QĐPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1969; địa chỉ: số 68 đường D6, khu phố 1, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Việt H, sinh năm 1977; địa chỉ: số 535 Đại lộ Bình Dương, tổ 2, khu phố 1, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 18/11/2021).

2. *Bị đơn*: Ngân hàng N; địa chỉ: số 02 đường Láng Hạ, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội; địa chỉ chi nhánh: số 9 đường Đ, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị Bích T1 - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 2965/QĐ-NHNN-PC ngày 27/12/2019).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1963; địa chỉ: số 11 đường ĐX 005, tổ 42, khu phố 8, phường P1, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3.2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1961; địa chỉ: số 28 đường ĐX 005, tổ 42, khu phố 8, phường P1, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn C: Ông Dương Hồng S, sinh năm 1996; địa chỉ thường trú: Buôn D, Dur K M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ liên lạc: số 171A Nguyễn Thị Minh Khai, phường P2, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 24/12/2021).

3.3. Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1968; địa chỉ: số 46 đường ĐX 005, tổ 42, khu phố 8, phường P1, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3.4. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972; địa chỉ: số 91 đường ĐX 028, tổ 42, khu phố 2, phường P1, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị N: Ông Bùi Nguyên T2, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: Thôn T, phường Đắk R'M, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; địa chỉ liên lạc: số 574/16 đường Lê Hồng Phong, phường P2, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 24/12/2021).

3.5. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1957; địa chỉ: số 39, tổ 42, khu phố 8, phường P1, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3.6. Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1961; địa chỉ: số 36 đường ĐX 005, tổ 42, khu phố 8, phường P1, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị N2: Ông Dương Hồng S, sinh năm 1996; địa chỉ thường trú: Buôn Dur 1, Dur KMăl, huyện Krông A Na, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ liên lạc: số 171A Nguyễn Thị Minh Khai, phường P2, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 24/12/2021).

3.7. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1975; địa chỉ: số 25 (số cũ 29/42) đường ĐX 005, tổ 42, khu phố 8, phường P1, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị M: Ông Phạm Thảo H1, sinh năm 1996; địa chỉ thường trú: ấp Hiệp Hưng, xã Hiệp Xương, huyện P, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: số 453/27A, đường Lê Hồng Phong, tổ 8, khu phố 3, phường P2, thành phố T, tỉnh Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 09/12/2021).

3.8. Văn phòng Công Chứng T3; địa chỉ: ô 21, 22, lô G, khu phố thương mại, đường Lý Thái Tổ, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Phạm Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 17/11/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn T và đại diện nguyên đơn ông Lê Việt H trình bày:

Bà Nguyễn Thị N3, sinh năm 1943 chết năm 2021, có giấy chứng tử. Cha bà Nguyễn Thị N3 là cụ Nguyễn Văn Hậu, sinh năm 1900 chết năm 1950, mẹ là cụ Nguyễn Thị Khảm, sinh năm 1902 chết năm 1980. Cha mẹ cụ N3 chết đã lâu nên không Có giấy chứng tử. Chồng cụ N3 là ông Phạm Văn X, sinh năm 1931 chết ngày 21/01/2019, có giấy chứng tử. Bà Nguyễn Thị N3 và ông Phạm Văn X có 01 người con nuôi là ông Phạm Văn T. Ngoài ra, cụ N3 và ông X không Còn người con chung, con riêng, con nuôi nào khác. Khi chết cụ N3 có để lại sổ tiết kiệm số AD00013344969 với số tiền 1.500.000.000 đồng tại Ngân hàng N nhưng không để lại di chúc định đoạt số tiền trên. Bà Nguyễn Thị M căn cứ vào Di chúc ngày 18/3/2020 được Văn phòng Công Chứng T3 công Chứng để yêu cầu Tòa án buộc Ngân hàng N trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc tính đến thời điểm Ngân hàng thực tế chi trả số tiền trong sổ tiết kiệm số 5501601201769, số sổ AD00013344969 do bà Nguyễn Thị N3 đứng tên.

Theo Di chúc của bà Nguyễn Thị N3 được Văn phòng Công Chứng T3 công Chứng ngày 18/3/2020 thì cụ N3 định đoạt cho bà Nguyễn Thị M được thừa hưởng “toàn bộ số tiền (tiền gốc và tiền lãi) trong tài khoản số “5501601174071” tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh thành phố T Bình Dương”. Do đó, bà M có quyền thừa kế theo di chúc đối với tài khoản số “5501601174071” nêu trên. Đối với tài khoản số “5501601201769” tại sổ tiết kiệm số AD00013344969, do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh thành phố T Bình Dương phát hành 18/5/2020 cho bà Nguyễn Thị N3 với số tiền tiết kiệm: 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) đã phát sinh thừa kế khi cụ N3 qua đời. Do bà Nguyễn

Thị N3 chết không để lại di chúc nên số tiền gốc và lãi trong sổ tiết kiệm số AD00013344969, ngày phát hành 18/5/2020 trên đây được chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất. Hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị N3 gồm: cha mẹ cụ N3 đã mất trước năm 1980, chồng của cụ N3 là ông Phạm Văn X đã chết năm 2019. Do đó, người thừa kế duy nhất của cụ N3 là ông Phạm Văn T. Nay ông Phạm Văn T yêu cầu chia thừa kế đối với di sản là khoản tiền gốc và tiền lãi của bà Nguyễn Thị N3 để lại tại sổ tiết kiệm số AD00013344969, do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh thành phố T Bình Dương phát hành 18/5/2020 theo quy định của pháp luật. Ông T yêu cầu được nhận toàn bộ số tiền gốc 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến thời điểm Ngân hàng chi trả trên thực tế cho ông T.

Đối với yêu cầu độc lập của bà M, nguyên đơn có ý kiến như sau:

* Đối với yêu cầu công nhận Di chúc số 003525 được công Chứng ngày 18/3/2020 tại Văn phòng Công Chứng T3 là hợp pháp: Xét hình thức của Di chúc: Di chúc được lập thành văn bản và công Chứng ngày 18/3/2020 là phù hợp với Bộ luật Dân sự và Luật Công Chứng nên Di chúc trên là hợp pháp. Xét về nội dung Di chúc: cụ N3 chỉ định cho bà Nguyễn Thị M được toàn quyền thừa hưởng “toàn bộ số tiền (tiền gốc và tiền lãi) trong tài khoản số “5501601174071” tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh thành phố T Bình Dương”. Do đó, bà M có quyền hưởng thừa kế theo Di chúc đối với khoản tiền tiết kiệm tại tài khoản số “5501601174071” nêu trên. Bà M có quyền liên hệ với Ngân hàng để được chi trả khoản tiền này nếu tài sản còn tồn tại. Do đó, yêu cầu công nhận Di chúc của bà M trong vụ án này, hoàn toàn không liên quan gì đến yêu cầu khởi kiện của ông T.

* Đối với yêu cầu được hưởng di sản do bà Nguyễn Thị N3 để lại là số tiền 1.500.000.000 đồng và lãi suất phát sinh mà cụ N3 gửi tại Ngân hàng N:

- Về di sản thừa kế: hồ sơ thể hiện trong vụ án này, bà Nguyễn Thị N3 có 02 tài khoản tại 02 sổ tiết kiệm được mở tại Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố T, tỉnh Bình Dương. Cụ thể:

1. Tài khoản số “5501601174071” thuộc sổ tiết kiệm số AD 00012140170 phát hành ngày 17/02/2020. Đây là Sổ tiết kiệm mà cụ N3 đã định đoạt cho bà M theo Di chúc ngày 18/3/2020.

2. Tài khoản số “5501601201769” thuộc sổ tiết kiệm số AD 00013344969 phát hành ngày 18/5/2020. Đây là Sổ tiết kiệm mà cụ N3 không để lại Di chúc và là di sản thừa kế ông T đang có yêu cầu chia trong vụ án này.

- Xét về hàng thừa kế: Căn cứ quy định tại Điều 651 của Bộ luật Dân sự người thừa kế theo pháp luật thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị N3

được xác định duy nhất một người là ông Phạm Văn T. Bà M là cháu của bà Nguyễn Thị N3 thuộc hàng thừa kế thứ ba, không Có quyền hưởng di sản của cụ N3. Mặt khác, tại đơn khởi kiện thì bà M đã yêu cầu được nhận số tiền 1.500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo di chúc đối với sổ tiết kiệm số tài khoản “5501601201769”, số sổ AD00013344969 do bà Nguyễn Thị N3 đứng tên. Tòa án đã đình chỉ giải quyết toàn bộ yêu cầu kiện của bà M do bà M rút đơn kiện. Căn cứ mục III Quyết định số 01/2021/QĐST-DS ngày 25/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T thì bà M không Có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án.

[2] Tại Công văn số 35/CV-NHNoTDM ngày 20/12/2021 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ngân hàng N do bà Trần Thị Bích T1 đại diện trình bày:

Ngày 17/02/2020, bà Nguyễn Thị N3 có mở sổ tiết kiệm tại Ngân hàng N Chi nhánh thành phố T với số tiền 1.500.000.000 đồng, theo sổ tiết kiệm số AD 00012140170, số tài khoản là 5501601174071; kỳ hạn gửi là 03 tháng từ ngày 17/02/2020 đến ngày 17/05/2020. Ngày 18/05/2020, bà Nguyễn Thị N3 đến Ngân hàng nhận tiền lãi và thực hiện việc gửi tiếp số tiền gốc 1.500.000.000 đồng nên Ngân hàng đã làm thủ tục đổi sổ tiết kiệm mới sang sổ số AD000133449969, số tài khoản là 5501601201769; kỳ hạn gửi là 03 tháng tính từ ngày 18/05/2020 đến ngày 18/08/2020. Đến tháng 04/2021, bà Nguyễn Thị M có đến ngân hàng xuất trình các giấy tờ gồm di chúc của bà Nguyễn Thị N3; sổ tiết kiệm số AD000133449969, số tài khoản là 5501601201769; giấy chứng tử của cụ N3 và một số giấy tờ khác. Bà M đề nghị được nhận toàn bộ số tiền mà cụ N3 gửi tại Ngân hàng. Qua xem xét đối chiếu giấy tờ thì có sự khác biệt về số sổ tiết kiệm trong di chúc với sổ tiết kiệm mà bà M xuất trình nên Ngân hàng từ chối chi trả và yêu cầu bà M phải thực hiện việc khai nhận di sản theo đúng quy định của pháp luật.

Để tạo điều kiện cho bà M thực hiện việc khai nhận di sản, Ngân hàng có làm xác nhận ngày 23/04/2021 về việc đã đóng sổ tiết kiệm trên di chúc, chứ không xác nhận 02 sổ tiết kiệm là một vì kể từ khi ngân hàng với cụ N3 làm thủ tục đổi sổ tiết kiệm mới thì sổ tiết kiệm số AD 00012140170, số tài khoản là 5501601174071 không Còn giá trị. Ngân hàng N sẽ chi trả tiền gốc và lãi phát sinh của sổ tiết kiệm số AD00013344969 cho khách hàng theo phán quyết của Tòa án.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M và người đại diện hợp pháp là ông Phạm Hiền Thảo trình bày:

Cha bà Nguyễn Thị N3 là cụ Nguyễn Văn Hậu, sinh năm 1900 chết năm 1950; mẹ cụ N3 là cụ Nguyễn Thị Khâm, sinh năm 1902 chết năm 1980. Cha

mẹ cụ N3 chết đã lâu nên không Có giấy chứng tử. Chồng cụ N3 là ông Phạm Văn X, sinh năm 1931 chết ngày 21/01/2019, có giấy chứng tử. Bà Nguyễn Thị N3 và ông Phạm Văn X có 01 người con nuôi là ông Phạm Văn T. Ngoài ra, cụ N3 và ông X không Còn người con chung, con riêng, con nuôi nào khác.

Bà Nguyễn Thị N3 chết để lại di sản là số tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố T, tỉnh Bình Dương với số tiền là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng), mã khách hàng số 5501-365972019, theo sổ tiết kiệm có kỳ hạn số: AD 00012140170, số tài khoản: 5501601174071, kỳ hạn 03 tháng, ngày gửi: 17/02/2020; ngày đến hạn: 17/05/2020. Ngày 18/03/2020, bà Nguyễn Thị N3 đến Văn phòng Công Chứng T3, tỉnh Bình Dương lập Di chúc số 003525 có nội dung là để lại toàn bộ số tiền trong tài 5501601174071 cho bà Nguyễn Thị M. Thời hạn gửi tiết kiệm là 03 tháng từ ngày 17/02/2020, ngày đến hạn: 17/05/2020. Ngày 18/05/2020, bà Nguyễn Thị N3 đến Ngân hàng rút tiền lãi theo sổ tiết kiệm số AD 00012140170. Tuy nhiên, do không đến đúng ngày chi trả tiền lãi nên Ngân hàng đã tắt toán sổ tiết kiệm trên vào ngày 18/5/2020, để chi trả tiền lãi cho bà Nguyễn Thị N3, đồng thời làm lại sổ tiết kiệm mới cho bà Nguyễn Thị N3 với số tiền gốc như ban đầu là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng), mã khách hàng số: 5501-365972019, theo sổ tiết kiệm có kỳ hạn số: AD 00013344969, số tài khoản 5501-601201769, kỳ hạn 03 tháng, ngày gửi: 18/05/2020, ngày đến hạn 18/08/2020.

Nhận thấy, việc thay đổi thông tin sổ tiết kiệm từ sổ tiết kiệm ban đầu có số: AD 00012140170, số tài khoản: 5501601174071 sang sổ tiết kiệm mới có số AD 00013344969, số tài khoản 5501-601201769 chỉ là sự thay đổi về hình thức theo thủ tục nghiệp vụ của Ngân hàng khi chi trả tiền lãi, còn bản chất vẫn cùng một khách hàng là bà Nguyễn Thị N3, với mã khách hàng là 5501-365972019, số tiền gửi tiết kiệm vẫn là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng). Điều này phù hợp với nội dung Di chúc số 003525, cũng như ý chí, mong muốn của cụ N3 là để lại số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh từ số tiền này cho bà M.

Ngày 11/04/2021, bà Nguyễn Thị N3 chết. Ngày 17/12/2021, bà Nguyễn Thị M có đến Văn phòng Công Chứng Nguyễn Minh Tấn, Thành phố Hồ Chí Minh để đề nghị thực hiện thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo di chúc nêu trên. Văn phòng Công Chứng Nguyễn Minh Tấn đã thực hiện thủ tục niêm yết khai nhận di sản thừa kế theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 16/12/2021, Ủy ban nhân dân phường P1, thành phố T, tỉnh Bình Dương có Công văn số 434/UBND-HC về việc phúc đáp Thông báo số 153/DS/VPCCNMT/2021 của Văn phòng Công Chứng Nguyễn Minh Tấn. Theo thông báo trên, Ủy ban nhân dân phường P1 đã xác định: “về tài sản: không Có

đơn tranh chấp; về hàng thừa kế: không phát sinh hàng thừa kế”. Trên cơ sở đó, bà Nguyễn Thị M đã khai nhận di sản tại Văn phòng Công Chứng Nguyễn Minh Tấn (Văn bản khai nhận di sản số 009081 do Công Chứng viên thuộc Văn phòng Công Chứng Nguyễn Minh Tấn chứng nhận ngày 17/12/2021). Việc khai nhận di sản thừa kế được Văn phòng Công Chứng Nguyễn Minh Tấn thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thời gian theo quy định của pháp luật và đảm bảo theo đúng ý nguyện trong di chúc do bà Nguyễn Thị N3 để lại. Bà Nguyễn Thị N3 lập Di chúc để lại toàn bộ số tiền trên cho bà Nguyễn Thị M mà không để lại cho con trai nuôi của mình là vì các nguyên nhân sau đây: Bà M là cháu ruột của cụ N3. Khi cụ N3 còn sống, con nuôi của bà là ông Phạm Văn T có tranh chấp về phần di sản thừa kế của chồng cụ N3 để lại và ông T thường xuyên xua đuổi cụ N3, không thể sống chung với ông T, nên cụ N3 sang nhà bà M sống cùng và từ khi cụ N3 sang sống đến khi mất là do bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ngày 20/05/2019, cụ N3 đã nhập hộ khẩu vào hộ khẩu gia đình bà M. Suốt quá trình cụ N3 đau bệnh cho đến khi mất đi, bà M là người đã kề bên chăm sóc cụ N3 cho đến những ngày cuối đời. Khi cụ N3 mất, bà M đã lo mai táng cho cụ N3 và hiện tại vẫn đang thờ cúng cụ N3 như bốn phần của người con cháu trong gia đình. Thực tế, từ lúc cụ N3 bệnh cho đến khi mất, ông T không hề đến thăm cụ N3 và cũng không Chịu tang thờ cúng cụ N3. Thậm chí, trong quá trình chôn cất cụ N3, ông T còn gây nhiều cản trở, không Cho chôn cụ N3 xuống phần đất bên cạnh phần mộ của chồng cụ N3 (do ông T nhận thừa kế phần đất mộ này), buộc phần mộ cụ N3 phải chôn ở phần đất khác. Nhận thấy việc bà M được nhận số tiền trên do cụ N3 để lại là vừa hợp tình, hợp lý, đúng quy định pháp luật, vì Di chúc cụ N3 để lại thể hiện rất rõ nội dung để lại toàn bộ số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh cho bà M. Bản thân cụ N3 là nông dân nên bà không hiểu rõ về nghiệp vụ của ngân hàng, cũng như không lường trước được việc thay đổi sổ tiết kiệm lại ảnh hưởng quá trình khai nhận di sản thừa kế như hiện tại, ý chí cụ N3 tại thời điểm đó chỉ biết là để lại số tiền trên cho bà M. Vì cụ N3 đã từng tranh chấp với ông T trong quá trình nhận di sản do chồng cụ N3 để lại, nên cụ N3 hiểu tính cách và con người ông T, bà mới làm sẵn Di chúc cho bà M để sau này khỏi có tranh chấp, nhưng vô tình việc thay đổi sổ của sổ tiết kiệm lại dẫn đến các nhầm lẫn, tranh chấp. Nay bà Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án Công nhận Di chúc số 003525 do Công Chứng viên thuộc Văn phòng Công Chứng T3, tỉnh Bình Dương chứng nhận ngày 18/03/2020 là hợp pháp và yêu cầu cho bà M được hưởng số tiền 1.500.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị N3 gửi tại Ngân hàng N cùng toàn bộ tiền lãi phát sinh.

[4] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C do ông Dương Hồng S đại diện trình bày:

Thông nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị M. Ý chí của cụ N3 là để lại số tiền tranh chấp mà cụ N3 gửi tại Ngân hàng cho bà M nên đề nghị Tòa án xem xét cho bà M được hưởng di sản do cụ N3 để lại. Mặc dù có sự thay đổi số sổ tiết kiệm tại Ngân hàng nhưng bản chất vẫn chỉ là 01 số tiền và ý chí cụ N3 là để lại số tiền trên cho bà M.

[5] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N2 do ông Dương Hồng S đại diện trình bày:

Thông nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị M. Ý chí của cụ N3 là để lại số tiền tranh chấp mà cụ N3 gửi tại Ngân hàng cho bà M nên đề nghị Tòa án xem xét cho bà M được hưởng di sản do cụ N3 để lại. Mặc dù có sự thay đổi số sổ tiết kiệm tại Ngân hàng nhưng bản chất vẫn chỉ là 01 số tiền và ý chí cụ N3 là để lại số tiền trên cho bà M.

[6] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N do ông Bùi Nguyên T2 đại diện trình bày:

Thông nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị M. Ý chí của cụ N3 là để lại số tiền tranh chấp mà cụ N3 gửi tại Ngân hàng cho bà M nên đề nghị Tòa án xem xét cho bà M được hưởng di sản do cụ N3 để lại. Mặc dù có sự thay đổi số sổ tại Ngân hàng nhưng bản chất vẫn chỉ là 01 số tiền và ý chí cụ N3 là để lại số tiền trên cho bà M. Việc thay đổi số sổ tiết kiệm là do Ngân hàng tự ý thực hiện, về ý trí thì cụ N3 vẫn để lại số tiền tranh chấp cho bà Nguyễn Thị M.

Bà N không thống nhất việc ông T là con nuôi của cụ N3 vì không làm thủ tục nhận con nuôi, sau khi ông X chết thì không thấy ông T về chăm sóc cụ N3, khi cụ N3 chết thì ông T không đến mai táng gì mà chỉ về đòi nhận di sản từ cụ N3. Thực tế đã có bản án giải quyết tranh chấp giữa cụ N3 và ông T. Sau khi giải quyết tranh chấp giữa cụ N3 và ông T thì ông T không Chăm sóc cụ N3, điều này chứng tỏ cụ N3, ông T không Có quan hệ gì. Yêu cầu Tòa án làm rõ mối quan hệ giữa ông T và cụ N3, để xác định mối quan hệ cha mẹ con và hàng thừa kế.

[7] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C1 trình bày:

Ông Nguyễn Văn C1 là cháu ruột của bà Nguyễn Thị N3. Ông C1 biết bà Nguyễn Thị N3 có gửi tiết kiệm tại Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố T, tỉnh Bình Dương với số tiền là 1.500.000.000 đồng. Ngày 18/03/2020, bà Nguyễn Thị N3 lập Di chúc số 003525 có nội dung chính là mong muốn để lại toàn bộ số tiền (tiền gốc và tiền lãi) trong tài khoản tiết kiệm nêu trên cho bà Nguyễn Thị M. Ngày 18/05/2020, bà Nguyễn Thị N3 đến Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố T, tỉnh Bình Dương rút tiền lãi theo Sổ tiết kiệm số AD 00012140170. Tuy nhiên, do không đến đúng ngày chi trả tiền lãi nên Ngân hàng N - Chi nhánh

thành phố T, tỉnh Bình Dương đã tắt toán sổ tiết kiệm trên để chi trả lãi cho bà Nguyễn Thị N3, đồng thời làm lại sổ tiết kiệm mới cho bà Nguyễn Thị N3 với số tiền gốc như ban đầu là 1.500.000.000 đồng theo sổ tiết kiệm có kỳ hạn số: AD 00013344969, số tài khoản 5501-601201769, kỳ hạn 03 tháng, ngày gửi: 18/05/2020, ngày đến hạn: 18/08/2020. Nhận thấy, việc thay đổi thông tin sổ tiết kiệm từ số: AD 00012140170, số tài khoản: 5501601174071 sang sổ mới có số AD 00013344969, số tài khoản 5501-601201769 chỉ là sự thay đổi về hình thức theo thủ tục nghiệp vụ của Ngân hàng khi chi trả tiền lãi, còn bản chất vẫn cùng một khách hàng là bà Nguyễn Thị N3, với mã khách hàng là 5501-365972019, số tiền gửi tiết kiệm vẫn là 1.500.000.000 đồng. Điều này phù hợp với nội dung Di chúc số 003525, cũng như ý chí, mong muốn của cụ N3 là để lại số tiền 1.500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ số tiền này cho bà M. Ngày 11/04/2021, bà Nguyễn Thị N3 chết. Sau đó, bà M có đến Văn phòng Công Chứng Nguyễn Minh Tấn, thành phố Hồ Chí Minh để đề nghị thực hiện thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo di chúc nêu trên. Văn phòng Công Chứng Nguyễn Minh Tấn đã thực hiện thủ tục niêm yết khai nhận di sản thừa kế theo đúng quy định của pháp luật.

Ông C1 thống nhất với vờ trình bày của bà M về lý do cụ N3 không để lại di chúc cho ông T được hưởng thừa kế. Việc bà M được nhận số tiền trên do cụ N3 để lại là vừa hợp tình, hợp lý, đúng quy định pháp luật nên yêu cầu Tòa án công nhận Di chúc số 003525 do Công Chứng viên thuộc Văn phòng Công Chứng T3, tỉnh Bình Dương chứng nhận ngày 18/03/2020 là hợp pháp. Đồng thời, cho bà M được hưởng số tiền là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi được gửi tại Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố T, tỉnh Bình Dương theo ý chí, nguyện vọng của bà Nguyễn Thị N3 để lại cho bà M.

[8] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N1 trình bày:

Ông Nguyễn Văn N1 là cháu ruột của bà Nguyễn Thị N3. Ông N1 có biết việc bà Nguyễn Thị N3 có gửi tiền tiết kiệm tại Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố T, tỉnh Bình Dương với số tiền là 1.500.000.000 đồng. Ông N1 thống nhất với vờ trình bày của bà M về lý do cụ N3 không để lại di chúc cho ông T được hưởng thừa kế. Việc bà M được nhận số tiền trên do cụ N3 để lại là vừa hợp tình, hợp lý, đúng quy định pháp luật nên yêu cầu Tòa án công nhận Di chúc số 003525 do Công Chứng viên thuộc Văn phòng Công Chứng T3, tỉnh Bình Dương chứng nhận ngày 18/03/2020 là hợp pháp. Đồng thời, cho bà M được hưởng số tiền là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi được gửi tại Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố T, tỉnh Bình Dương theo ý chí, nguyện vọng của bà Nguyễn Thị N3 để lại cho bà M.

[9] *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công Chứng T3 trình bày:*

Việc chứng nhận di chúc là đúng trình tự thủ tục và phù hợp với quy định của pháp luật. Văn phòng Công Chứng T3 xin được vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng.

* *Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- *Đại diện nguyên đơn trình bày:* Ông Phạm Văn T yêu cầu chia thừa kế đối với khoản tiền gốc và lãi của bà Nguyễn Thị N3 để lại tại Sổ tiết kiệm số AD00013344969, do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh thành phố T, tỉnh Bình Dương phát hành ngày 18/5/2020 theo quy định của pháp luật. Ông T yêu cầu được nhận toàn bộ số tiền gốc 1.500.000.000 đồng (*một tỷ năm trăm triệu đồng*) và tiền lãi tính đến thời điểm Ngân hàng chi trả trên thực tế cho ông T. Di chúc do bà Nguyễn Thị N3 lập ngày 18/3/2020 là hợp pháp. Bà M có quyền liên hệ Ngân hàng để nhận số tiền theo số tài khoản chỉ định trong di chúc. Đối với số tiền 1.500.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị N3 để lại tại Sổ Tiết Kiệm số AD00013344969 thì không Có di chúc nên yêu cầu Tòa án chia theo pháp luật cho người thừa kế duy nhất là ông Phạm Văn T.

- *Đại diện bị đơn trình bày:* Ngân hàng sẽ chi trả tiền gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh của sổ tiết kiệm số AD00013344969 cho khách hàng theo phán quyết của Tòa án. Tính đến ngày 13/7/2022, số tiền gửi tại sổ tiết kiệm AD00013344969, số tài khoản là 5501601201769 là 1.564.757.700 đồng, bao gồm tiền gốc là 1.500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 18/5/2020 đến ngày 13/7/2022 là 64.757.700 đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M do ông Phạm Hiền Thảo đại diện trình bày:* Yêu cầu Tòa án công nhận Di chúc số 003525 do Công Chứng viên thuộc Văn phòng Công Chứng T3, tỉnh Bình Dương chứng nhận ngày 18/03/2020 là hợp pháp và yêu cầu cho bà M được hưởng số tiền 1.500.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị N3 gửi tại Ngân hàng N cùng toàn bộ tiền lãi phát sinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị N2 do ông Dương Hồng S đại diện trình bày:* Thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị M, yêu cầu Tòa án công nhận di chúc và giao toàn bộ di sản của bà Nguyễn Thị N3 để lại cho bà M.

* *Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2022/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:*

1. Không Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” của bà Nguyễn Thị N3 để lại theo pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” của bà Nguyễn Thị N3 để lại theo di chúc.

Công nhận Di chúc số 003525 do Công Chứng viên thuộc Văn phòng Công Chứng T3, tỉnh Bình Dương công Chứng ngày 18/03/2020 là hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị M được hưởng số tiền là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) cùng tiền lãi phát sinh đến ngày 13/7/2022 là 64.757.700 đồng (sáu mươi tư triệu bảy trăm năm mươi bảy ngàn bảy trăm đồng), theo sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00013344969 số tài khoản 5501-601201769 của bà Nguyễn Thị N3 gửi tại Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Kể từ ngày 14/7/2022, bà Nguyễn Thị M còn tiếp tục được hưởng tiền lãi theo thỏa thuận trong sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00013344969, số tài khoản 5501-601201769 đến khi Ngân hàng thanh toán xong cho bà M.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 02/8/2022, nguyên ông Phạm Văn T có đơn kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và trình bày ý kiến như sau:

* Đối với việc không Chấp nhận yêu cầu của ông T tranh chấp thừa kế cụ thể là khoản tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh tại “tài khoản số 5501- 601201769” của Mẹ là bà Nguyễn Thị N3) để lại theo pháp luật. Cấp sơ thẩm nhận định: ông Phạm Văn T là “con nuôi” của cụ X và cụ N3 nên thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự là đúng, nhưng lại cho rằng: ông T không được quyền hưởng di sản do cụ N3 để lại vì “vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng người để lại di sản” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 621 của Bộ luật Dân sự để bác yêu cầu khởi kiện của ông T là sai, bởi lẽ:

- Về nội dung và cơ sở pháp lý: Cấp sơ thẩm nhận định 03 lý do để cho rằng ông T “vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng người để lại di sản: từ

khí ông T lấy vợ thì về sống bên vợ, không sống cùng cụ X, cụ N3; Giấy khai sinh, sổ hộ khẩu do ông T đi làm; Bản án số 16/2019/DS-ST ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T thì cụ N3 không thừa nhận ông T là con nuôi”. Nhận định trên của Tòa án sơ thẩm là không đúng. Ông T hoàn toàn không bị một bản án hoặc quyết định nào của cơ quan chức năng buộc ông T phải nuôi dưỡng cụ N3 hoặc bị lập Biên bản về việc vi phạm việc nuôi dưỡng cụ N3. Tại Bản án số 16/2019/DS-ST ngày 9/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết đơn kiện tranh chấp thừa kế của cụ X với ông T hoàn toàn không Có nội dung này. Mặt khác, tại bản án này, ông T được cụ N3 chia thừa kế số tiền 711.730.575 đồng, còn cụ N3 được chia số tiền 827.009.125 đồng và toàn bộ nhà, đất diện tích 176,5m² tại phường P1. Ngoài trình bày của bà Nguyễn Thị M và anh chị em của bà M (là những người có quyền lợi đối lập với ông T) thì không Có cơ sở xác định ông T đã vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng cụ N3 như thế nào.

- Trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vượt quá yêu cầu của đương sự, vượt quá phạm vi giải quyết vụ án. Cụ thể: người liên quan (bà Nguyễn Thị M) chỉ có yêu cầu công nhận hiệu lực của Di chúc, không yêu cầu giải quyết về tư cách con nuôi của ông T và không tranh chấp về hàng thừa kế nhưng cấp sơ thẩm đã tùy tiện đưa ông T vào “loại con bất hiếu” khi cho rằng ông T “*vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng người để lại di sản*” để không Chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh thành phố T, tỉnh Bình Dương.

* Đối với quyết định chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị M về yêu cầu công nhận Di chúc ngày 18/3/2020 và tuyên cho bà M được hưởng số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh là không Có căn cứ, bởi lẽ:

- Đánh giá tính hợp pháp của Di chúc: Cụ N3 được xác định là người không biết chữ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 630 Bộ luật Dân sự phải được người làm chứng lập thành văn bản. Di chúc ngày 18/3/2020 có người làm chứng là bà Nguyễn Ngọc Thủy Tiên. Tuy nhiên, bản Di chúc do bà M xuất trình tại Tòa án không Có nội dung bà Nguyễn Ngọc Thủy Tiên chứng kiến Công Chứng viên đọc lại toàn bộ nội dung Di chúc cho bà Nguyễn Thị N3 nghe. Còn bản Di chúc do Văn phòng công Chứng T3 xuất trình cho Tòa án thì lại có dòng chữ viết của bà Nguyễn Ngọc Thủy Tiên. Chứng tỏ tại thời điểm công Chứng, cụ N3 không được nghe Công Chứng viên đọc lại toàn bộ nội dung Di chúc và việc bà Nguyễn Ngọc Thủy Tiên viết nội dung làm chứng là hoàn toàn sau thời điểm cụ N3 điểm chỉ vào di chúc. Ngoài ra, tại Phiếu yêu cầu công Chứng có chữ viết phần người yêu cầu “Nguyễn Thị N3” là mâu thuẫn vì cụ N3

được xác định là người không biết chữ. Do đó có cơ sở xác định: cụ N3 không được công Chứng viên đọc lại Di chúc, nhưng lại chứng nhận “*bà Nguyễn Ngọc Thủy Tiên làm chứng, chứng kiến tôi đọc lại toàn bộ nội dung Di chúc này cho bà Nguyễn Thị N3 nghe, nghe xong, bà Nguyễn Thị N3 đồng ý điểm chỉ vào Di chúc này trước sự có mặt của tôi và người làm chứng*” là vi phạm Điều 56 Luật công Chứng và Điều 636 của Bộ luật Dân sự. Cấp sơ thẩm công nhận hiệu lực của Di chúc là không Có cơ sở.

- Ông Phạm Văn T yêu cầu chia thừa kế đối với khoản tiền gốc và tiền lãi của cụ N3 để lại tại Sổ tiết kiệm số AD00013344969, do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh thành phố T, tỉnh Bình Dương phát hành ngày 18/5/2020 theo quy định của pháp luật. Còn Di chúc do bà Nguyễn Thị N3 lập ngày 18/3/2020 định đoạt đối với sổ tiết kiệm có số AD 00012140170, số tài khoản là 5501601174071. Bà M có quyền liên hệ Ngân hàng để nhận số tiền theo số tài khoản chỉ định trong di chúc. Đối với số tiền 1.500.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị N3 để lại tại Sổ tiết kiệm số AD00013344969 thì không Có lập di chúc nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia theo pháp luật cho người thừa kế duy nhất là ông Phạm Văn T là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn Ngân hàng N do bà Trần Thị Bích T1 đại diện bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến về vụ án như sau: Ngân hàng vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử vụ án theo quy định của pháp luật, Ngân hàng sẽ chi trả tiền gửi tiết kiệm cho khách hàng theo phán quyết của Tòa án.

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập, không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên các cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Ngân hàng N do bà Trần Thị Bích T1 đại diện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn R, đại diện hợp pháp của Văn phòng Công Chứng T3 tất cả đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên trên.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn ông Phạm Văn T yêu cầu chia di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị N3 chết để lại đối với khoản tiền gốc và tiền lãi của Sổ tiết kiệm số AD00013344969, do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh thành phố T, tỉnh Bình Dương phát hành 18/5/2020 theo quy định của pháp luật. Ông T yêu cầu được nhận toàn bộ số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến thời điểm Ngân hàng chi trả trên thực tế cho ông T. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M yêu cầu công nhận Di chúc số 003525 do Công Chứng viên thuộc Văn phòng Công Chứng T3, tỉnh Bình Dương chứng nhận ngày 18/03/2020 là hợp pháp và yêu cầu cho bà M được hưởng số tiền 1.500.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị N3 gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam cùng toàn bộ tiền lãi phát sinh.

[2.1] Về hàng thừa kế: Quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn, đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Nguyễn Thị M đều thống nhất về quan hệ nhân thân của bà Nguyễn Thị N3 như sau: Cha bà Nguyễn Thị N3 là cụ Nguyễn Văn Hậu, sinh năm 1900 chết năm 1950; mẹ là cụ Nguyễn Thị Khảm, sinh năm 1902 chết năm 1980. Cha mẹ cụ N3 chết đã lâu nên không Có giấy chứng tử. Chồng cụ N3 là ông Phạm Văn X, sinh năm 1931 chết ngày 21/01/2019. Bà Nguyễn Thị N3 và ông Phạm Văn X có 01 người con nuôi là ông Phạm Văn T, sinh năm 1969. Ngoài ra, cụ N3 và ông X không Còn người con chung, con riêng, con nuôi nào khác. Do vậy, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự, hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị N3 là ông Phạm Văn T. Xét thấy, ông T chưa bị một bản án hoặc quyết định nào của cơ quan chức năng buộc ông T phải nuôi dưỡng cụ N3 hoặc bị lập Biên bản về việc vi phạm việc nuôi dưỡng cụ N3. Tại Bản án số 16/2019/DS-ST ngày 9/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết đơn kiện tranh chấp thừa kế của nguyên đơn là cụ N3 đối với bị đơn là ông T về việc cụ N3 yêu cầu chia di sản thừa kế do cụ X chết để lại thì hoàn toàn không Có nội dung xác định ông T đã “*vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng người để lại di sản*”. Mặt khác, tại bản án này, ông T được cụ N3 chia $\frac{1}{2}$ giá trị di sản của cụ X để lại với tổng số tiền là 711.730.575 đồng, còn cụ N3 được chia số tiền là 827.009.125

đồng và toàn bộ nhà đất diện tích 176,5m² tại phường P1. Sau khi xét xử sơ thẩm, cụ N3 không kháng cáo đối với bản án trên là đã mặc nhiên thừa nhận ông T là con chung của cụ N3 và cụ X nên được hưởng di sản do cụ X để lại. Hơn nữa, khi cụ N3 còn sống, cụ N3 cũng chưa từng có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với ông T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: “...từ khi ông Phạm Văn T lấy vợ thì sống bên vợ, không sống cùng bà Nguyễn Thị N3 và ông Phạm Văn X. Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn T cung cấp giấy khai sinh và hộ khẩu thường trú của hộ ông Phạm Văn X thể hiện ông Phạm Văn T là con của bà Nguyễn Thị N3 và ông Phạm Văn X nhưng giấy khai sinh và sổ hộ khẩu là do ông T tự đi làm. Năm 2019, giữa bà Nguyễn Thị N3 và ông Phạm Văn T phát sinh tranh chấp về di sản thừa kế của ông Phạm Văn X để lại, nên cụ N3 về sinh sống tại nhà bà Nguyễn Thị M. Căn cứ theo như Bản án 16/2019/DS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2019, của Tòa án nhân dân thành phố T thì bà Nguyễn Thị N3 không thừa nhận ông Phạm Văn T là con nuôi của bà N3” để từ đó Tòa án cấp sơ thẩm viện dẫn điểm b khoản 1 Điều 621 Bộ luật Dân sự năm 2015, xác định ông T “vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng người để lại di sản” nên không được quyền hưởng di sản do bà Nguyễn Thị N3 để lại” là chưa phù hợp. Do ông Phạm Văn T được xác định là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ N3 như đã phân tích trên nên không xem xét đến hàng thừa kế thứ hai và hàng thừa kế thứ ba của cụ N3 theo quy định tại khoản 3 Điều 651 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Về di sản thừa kế: Ngày 17/02/2020, cụ Nguyễn Thị N3 có mở sổ tiết kiệm tại Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố T với số tiền 1.500.000.000 đồng, theo sổ tiết kiệm **số AD 00012140170, số tài khoản là 5501601174071**; kỳ hạn gửi là 03 tháng từ ngày 17/02/2020 đến ngày 17/05/2020. Ngày 18/05/2020, cụ N3 đến Ngân hàng nhận tiền lãi và thực hiện việc gửi tiếp số tiền gốc 1.500.000.000 đồng nên Ngân hàng đã làm thủ tục đổi sổ tiết kiệm mới sang số **AD000133449969, số tài khoản là 5501601201769**; kỳ hạn gửi là 03 tháng từ ngày 18/05/2020 đến ngày 18/08/2020. Căn cứ theo quy định tại Điều 612 của Bộ luật Dân sự thì di sản của cụ N3 để lại là số tiền 1.500.000.000 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh mà cụ Nguyễn Thị N3 gửi tại Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố T.

[2.3] Xét tính hợp pháp của di chúc do cụ Nguyễn Thị N3 lập ngày 18/3/2020: Ngày 18/3/2020, cụ N3 đến Văn phòng công Chứng T3, tỉnh Bình Dương lập di chúc với nội dung sau khi cụ N3 qua đời thì để lại toàn bộ số tiền (tiền gốc và tiền lãi) trong tài khoản tiết kiệm theo sổ **tiết kiệm số 5501601174071** cho bà Nguyễn Thị M. Xét thấy, tại thời điểm lập di chúc cụ N3 có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép. Nội

dung di chúc không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do cụ N3 không biết chữ nên có người làm chứng là bà Nguyễn Ngọc Thủy Tiên làm chứng và đọc lại nội dung di chúc cho cụ N3 nghe. Di chúc được Công Chứng viên thuộc Văn phòng Công Chứng T3 công Chứng. Nội dung của di chúc phù hợp với quy định tại Điều 631 của Bộ luật Dân sự năm 2015, căn cứ các Điều 624, 625, 627, 630, 631, 634 và Điều 636 của Bộ luật Dân sự năm 2015, di chúc do cụ N3 lập là hợp pháp và phát sinh hiệu lực.

[2.4] Nguyên đơn yêu cầu chia theo pháp luật đối với di sản của cụ Nguyễn Thị N3 để lại là số tiền 1.500.000.000 đồng cùng toàn bộ tiền lãi phát sinh trong sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00013344969, số tài khoản 5501-601201769. Bà Nguyễn Thị M có yêu cầu độc lập yêu cầu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh T chi trả cho bà M khoản tiền 1.500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo Di chúc ngày 18/3/2020 do cụ N3 lập tại sổ tiết kiệm số AD 00012140170, số tài khoản 5501601174071. Xét thấy, sau khi cụ N3 chết, bà M tiến hành lập thủ tục khai nhận di sản tại Văn phòng Công Chứng Nguyễn Minh Tấn nhưng Ngân hàng N - Chi nhánh T đã từ chối chi trả theo Di chúc trên. Việc từ chối chi trả của Ngân hàng là đúng pháp luật vì số sổ tiết kiệm, số tài khoản theo Di chúc có sự khác biệt (không trùng khớp) với số sổ tiết kiệm và số tài khoản hiện tại ở ngân hàng. Cụ thể: Theo Di chúc ngày 18/3/2020, cụ N3 định đoạt đối với số tiền trong Sổ tiết kiệm số **“AD00012140170”** và số tài khoản **“5501601174071”**. Còn số tiền trong Sổ tiết kiệm Ngân hàng N đang có là **“AD00013344969”** và số tài khoản là **“5501601201769”**; Di chúc ngày 18/3/2020 của cụ N3 chỉ định đoạt số tài khoản **“5501601174071”** mà không ghi rõ số tiền trong tài khoản này là có bao nhiêu thì không thể mặc nhiên xác định tài khoản số **“5501601201769”** có số tiền 1.500.000.000 đồng chính là số tiền cụ N3 định đoạt theo Di chúc như lập luận của Tòa án sơ thẩm: *“Có căn cứ xác định số tiền 1.500.000.000 đồng tại sổ tiết kiệm số “AD00012140170” và sổ tiết kiệm số “AD00013344969” là một và do một người gửi là cụ N3 do thời hạn gửi sổ tiết kiệm cũ hết hạn thì chuyển qua gửi sổ tiết kiệm mới, sự khác nhau ở đây chỉ là về thủ tục pháp lý của ngân hàng phải thực hiện đối với khách hàng”*. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định 02 số tài khoản là một đề chia thừa kế theo di chúc là chưa phù hợp, không đúng với thực tế và thủ tục ngân hàng. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Ngân hàng khẳng định: Cụ N3 đã làm thủ tục rút khoản tiền 1.500.000.000 đồng tại sổ tiết kiệm ngày 17/2/2020. Sau đó, mới lập thủ tục gửi lại tiết kiệm. Ngân hàng không tự ý chuyển sang sổ tiết kiệm mới, làm số tài khoản mới nếu không Có thủ tục rút và gửi lại. Như vậy, khoản tiền tại Sổ tiết kiệm số **“AD00012140170”** số tài khoản là **“5501601174071”** đã được cụ N3 xử lý xong bằng thủ tục rút tiền. Sau khi thực hiện thủ tục rút tiền thì mối quan hệ gửi tiền giữa cụ N3 và Ngân hàng đã

chấm dứt. Cụ N3 có quyền gửi tiết kiệm lại hoặc không. Trường hợp cụ N3 gửi lại thì giữa Ngân hàng và cụ N3 phát sinh quyền lợi, nghĩa vụ mới. Đồng thời, tại Văn bản số 35/CV-NHNNTDM ngày 20/12/2021, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh T xác định: “Số sổ tiết kiệm và số tài khoản trên di chúc có sai lệch với số sổ sổ tiết kiệm và số tài khoản gốc được xuất trình. Số tiết kiệm số AD 00012140170, số tài khoản là 5501601174071, có kỳ hạn 03 tháng, gửi ngày 17/02/2020 trên Di chúc đã được bà Nguyễn Thị N3 rút hết gốc và lãi vào ngày 18/5/2020 nên sổ này không Còn giá trị”. Do đó, Sổ tiết kiệm số “AD00013344969”, số tài khoản là “5501601201769” ngày phát hành 17/02/2020 đứng tên cụ Nguyễn Thị N3 là hoàn toàn mới. Căn cứ Điều 640 của Bộ luật Dân sự thì người để lại Di chúc cần phải sửa đổi hoặc thay thế đối với di sản đã định đoạt trong di chúc. Cụ thể, cụ N3 phải sửa đổi, thay thế di sản từ **“Tài khoản số “5501601174071”** thành **“Tài khoản số “5501601201769”**. Tuy nhiên, cụ N3 đã không thực hiện thủ tục sửa đổi bổ sung di chúc nên Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M là chưa phù hợp.

[2.5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T, sửa bản án sơ, chia di sản thừa kế của cụ N3 để lại theo pháp luật cho ông Phạm Văn T là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ N3 được hưởng số tiền 1.500.000.000 đồng mà cụ Nguyễn Thị N3 gửi tại Ngân hàng N cùng toàn bộ lãi suất phát sinh cho đến khi Ngân hàng thanh toán xong cho ông Phạm Văn T.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phúc thẩm là chưa phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn T phải chịu án phí có giá ngạch tính trên giá trị di sản được chia với số tiền là 59.242.731 đồng; bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí không Có giá ngạch với số tiền là 300.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 612, 613; 624, 625, 630, 631, 640, 649, 650, 651 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn T.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2022/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn T về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”, chia di sản thừa kế do cụ Nguyễn Thị N3 để lại theo pháp luật như sau:

Ông Phạm Văn T được hưởng số tiền là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) cùng tiền lãi phát sinh đến ngày 13/7/2022 là 64.757.700 đồng (sáu mươi tư triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm đồng), theo Sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00013344969, số tài khoản 5501-601201769 của cụ Nguyễn Thị N3 gửi tại Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Kể từ ngày 14/7/2022, ông Phạm Văn T còn tiếp tục được hưởng tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD 00013344969, số tài khoản 5501-601201769 cho đến khi Ngân hàng thanh toán xong số tiền trên cho ông Phạm Văn T.

1.2. Không Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” của cụ Nguyễn Thị N3 để lại theo di chúc.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Văn T phải chịu số tiền 59.242.731 đồng (năm mươi chín triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi một đồng), được trừ vào số tiền 28.500.000 đồng (hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000648 ngày 24/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T. Ông Phạm Văn T còn phải nộp thêm số tiền 30.742.731 đồng (ba mươi triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm ba mươi một đồng).

- Bà Nguyễn Thị M phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 28.500.000 đồng (hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 57.000.000 đồng (năm mươi bảy triệu đồng) tạm ứng án phí còn lại theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0056407 ngày 14/6/2021 và số AA/2016/0000964 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Phạm Văn T không phải chịu. Hoàn trả cho ông Phạm Văn T số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001727 ngày 03/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- VKSND thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Thanh Tuyền